**UNIT 9: A FIRST-AID COURSE**

**LESSON 1: GETTING STARTED + LISTEN AND READ**

* **New words:**

-*first-aid (n): treatment given to an injured person before a doctor comes: sơ cứu*

*- burn (n) phỏng*

*- arm (n) cánh tay*

*- alcohol (n) bia rượu*

*- bandage (v,n) a long thin piece of cloth used for tying round and protect a wound:băng gạc (y tế)*

*- bleed (v) chảy máu -> blood (n) máu*

*- sting (n) nốt đốt*

*→ bee sting : ong đốt*

*- balm (n) tác dụng làm dịu*

*- emergency (n) khẩn cấp*

*- ambulance (n): a vehicle equipped to carry sick or injured people to hospital*

*- hurt (v) làm đau*

*- calm down: giữ bình tĩnh*

*- fall off (sth) té*

***- conscious (a)****: awake and able to see, hear and think: tỉnh táo ≠* ***unconscious***

*- cut on one’s head:*

*→ cut on her head*

*- towel (n) khăn*

*- handkerchief (n) a small piece of cloth or paper used for wiping the face, blowing the nose into,ect.: khăn tay*

*- cover (v)che lại*

*- wound (n,v) vết thương, bị thương*

*→ wounded (a)*

*- hold it tight: giữ chặt*

*- fall asleep: thiếp đi, ngất đi*

*- awake (a) thức tỉnh*

***-press (v)- pressure*** *(n) áp suất, áp lực, sự đè nặng*

*- lane (n) đường nhỏ/hẻm*